

Số: /QĐ-SNN

Nam Định, ngày tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Sở Nông nghiệp & PTNT (*Phòng Quản lý xây dựng công trình, Chi cục Thủy lợi*) và Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy ngày 17/8/2022 về việc kiểm tra danh mục sửa chữa công trình thủy lợi theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy;

Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy tại Tờ trình số 13/TTr-TN ngày 15/8/2022 về việc xin phê duyệt danh mục kế hoạch tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi bằng nguồn vốn năm 2023, đã được UBND huyện Xuân Trường, Giao Thủy xác nhận; Báo cáo số 26/2021/BC-TNXT ngày 18/8/2022 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy về việc ước thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi năm 2022.

Để phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai, Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy như sau:

1. Tổng kinh phí sửa chữa thường xuyên công trình năm 2023 dự kiến: 14.073 triệu đồng (*nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi*), bao gồm:

- Thanh toán cho công trình đã thực hiện năm trước: 300,0 triệu đồng
- Nạo vét, đắp bờ: 6.487,0 triệu đồng;
- Phần xây đúc: 5.625,0 triệu đồng;
- Sửa chữa cánh cổng: 1.061,0 triệu đồng;
- Sửa chữa thiết bị: 300,0 triệu đồng;
- Dự phòng: 300,0 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Cân đối trong nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31/12/2023.

4. Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy có trách nhiệm:

- Công bố, công khai danh mục, kế hoạch sửa chữa công trình trong Quyết định này theo quy định, trong đó công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất ngày 01/01/2023.

- Ưu tiên thanh toán dứt điểm cho công trình đã thi công năm trước; cân đối nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên, không được để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Đảm bảo việc sửa chữa công trình trong Quyết định này chỉ là sửa chữa thường xuyên, không được làm thay đổi quy mô, công năng công trình và Tổ chức thực hiện sửa chữa thường xuyên theo đúng quy định của Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, các quy định liên quan khác.

- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này về Sở Nông nghiệp & PTNT trước ngày 28/02/2023.

Sở Nông Nghiệp & PTNT phê duyệt các nội dung nêu trên để Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Để báo cáo)
- UBND huyện Xuân Trường, Giao Thủy (để phối hợp)
- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy;
- Lưu: VT, TCKT, QLXDCT, CCTL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Doãn Lâm

DANH MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NĂM 2023 CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XUÂN THỦY

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày tháng 9 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định)

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI)					14.073.000	14.073.000		
I	Các công trình đã thực hiện các năm trước nhưng thiếu vốn				300.000	300.000		
1	Nạo vét kênh Nguyễn Văn Bé (Đoạn từ dốc Vạn Xuân đến cống Đại Đồng) (Tổng kinh phí 1.354 triệu, đã bố trí năm 2022: 954 triệu)	Giao Xuân - Giao Lạc	Nạo vét		300.000	300.000		Thông báo số 3049/TB-SNN ngày 21/9/2021
II	Nạo vét				6.487.000	6.487.000		
1	Nạo vét cửa cống Triết Giang B	Bạch Long	Nạo vét	400	432.000	432.000		
2	Nạo vét cửa cống Ang Giao Phong	Bạch Long	Nạo vét	800	456.000	456.000		
3	Nạo vét cửa cống Tây Cồn Tàu	TTQuất Lâm	Nạo vét	600	410.000	410.000		
4	Nạo vét cửa cống số 8B	Bạch Long	Nạo vét	300	400.000	400.000		
5	Nạo vét cửa cống số 7	Xuân Châu	Nạo vét	650	450.000	450.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
6	Nạo vét kênh CH6	Hồng tiến	Nạo vét	1.100	180.000	180.000		
7	Nạo vét kênh CH2 (Đoạn cuối)	Hồng Tiến	Nạo vét	425	84.000	84.000		
8	Nạo vét kênh CA4	Hồng kỳ	Nạo vét	1.015	210.000	210.000		
9	Nạo vét kênh CA 1-4A	Giao Hương	Nạo vét	847	130.000	130.000		
10	Nạo vét kênh CA15 (Đoạn đầu)	Giao Lạc	Nạo vét	628	72.000	72.000		
11	Nạo vét kênh CA7C	Giao Thanh	Nạo vét	565	32.000	32.000		
12	Nạo vét kênh Nguyễn Văn Bé	Giao Lạc	Nạo vét	1.000	1.000.000	1.000.000		
13	Nạo vét kênh Mỹ Tho 4 (Đoạn đầu)	Giao Hải	Nạo vét	2.000	240.000	240.000		
14	Nạo vét kênh Cuối CN7B	Giao Hà	Nạo vét	955	120.000	120.000		
15	Nạo vét kênh Văn Bé 17 (Đoạn xóm 7)	Giao Long	Nạo vét	230	225.000	225.000		
16	Nạo vét kênh NĐ 3-4	Giao Tiến	Nạo vét	800	85.000	85.000		
17	Nạo vét kênh Hoàn Nha 2c	Giao Tiến	Nạo vét	1.750	250.000	250.000		
18	Nạo vét kênh Thảo Khoản (Đoạn cuối)	Giao Phong	Nạo vét	482	72.000	72.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
19	Nạo vét sông Lâm Thịnh	TT.Quất Lâm	Nạo vét	630	120.000	120.000		
20	Nạo vét kênh Đồng Nê (đoạn từ Ngòi Bút đến cống Xóm 1)	Xuân Thượng	Nạo vét	1.565	204.000	204.000		
21	Nạo vét Chợ Đê 1 (Đoạn cuối)	Xuân Thượng	Nạo vét	675	84.000	84.000		
22	Nạo vét kênh Mã 1-1	Xuân Trung	Nạo vét	511	42.000	42.000		
23	Nạo vét kênh Xuân Châu 6	Xuân Châu	Nạo vét	860	90.000	90.000		
24	Nạo vét kênh TT2-4	Xuân Kiên	Nạo vét	839	54.000	54.000		
25	Nạo vét TT 2-5	Xuân Kiên	Nạo vét	650	94.000	94.000		
26	Nạo vét kênh TT10 (Đoạn từ Chợ Cầu Đông đến trường Cấp 2)	Xuân Vinh	Nạo vét	498	131.000	131.000		
27	Nạo vét kênh Kẹo 5	Xuân Ninh	Nạo vét	950	70.000	70.000		
28	Nạo vét kênh TT 7B	Xuân Tiến	Nạo vét	1.150	70.000	70.000		
29	Nạo vét kênh Cát Xuyên 4 (Đoạn đầu)	Xuân Phong	Nạo vét	1.478	312.000	312.000		
30	Nạo vét kênh Mã 3	Xuân Phương	Nạo vét	1.580	316.000	316.000		
31	Nạo vét kênh Láng 7	Xuân Tân	Nạo vét	540	52.000	52.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
III	Phần xây dúc				5.625.000	5.625.000		
1	Sửa chữa mái kè kênh CA21 (Đoạn cuối)	Giao Xuân	Sửa chữa mái kênh		450.000	450.000		chuyển từ Thông báo số 3049/TB-SNN ngày 21/9/2021
2	Xử lý sạt lở bờ tả mái kênh CN13 (Đoạn giữa)	Giao Long	Xử lý sạt lở	350	490.000	490.000		
3	Xử lý sạt lở bờ hữu mái kênh Xuân Châu 4 (Đoạn đầu)	Xuân Châu	Xử lý sạt lở	340	450.000	450.000		
4	Xử lý sạt lở bờ hữu mái kênh Trà Thượng 12 (Đoạn cuối)	Xuân Vinh	Xử lý sạt lở	370	460.000	460.000		
5	Sửa chữa nhà quản lý cống Đại Đồng	Giao Lạc	Sửa chữa		200.000	200.000		
6	Sửa chữa cống đầu CA21	Giao Xuân	Sửa chữa		460.000	460.000		
7	Sửa chữa cống đầu HT11	Giao Thiện	Sửa chữa		90.000	90.000		
8	Sửa chữa cống đầu CA1-4	Giao Hương	Sửa chữa		140.000	140.000		
9	Sửa chữa trạm bơm số 2	Giao Hương	Sửa chữa		60.000	60.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
10	Sửa chữa cống cuối VB8	Giao An	Sửa chữa		50.000	50.000		
11	Sửa chữa cống giữa HT5	Giao An	Sửa chữa		40.000	40.000		
12	Sửa chữa cống đầu VB9	Giao An	Sửa chữa		80.000	80.000		
13	Sửa chữa công trình thông nước đầu CT7	Hồng Thuận	Sửa chữa		90.000	90.000		
14	Sửa chữa cống giữa CA9	Giao Thanh	Sửa chữa		70.000	70.000		
15	Sửa chữa cầu thông nước qua kênh VB11-6	Giao Lạc	Sửa chữa		70.000	70.000		
16	Sửa chữa cầu thông nước giữa kênh VB17-5	Giao Long	Sửa chữa		90.000	90.000		
17	Sửa chữa mái kênh Chúa	TT Ngô Đồng	Sửa chữa		150.000	150.000		
18	Sửa chữa nhà ăn cụm Cồn Giữa	Giao Tiến	Sửa chữa		100.000	100.000		
19	Sửa chữa cống Giữa CG3B	Giao Châu	Sửa chữa		100.000	100.000		
20	Sửa chữa cống đầu CN17	Giao Yên	Sửa chữa		80.000	80.000		
21	Sửa chữa cống Đồng Nê	Xuân Hồng	Sửa chữa		200.000	200.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
22	Sửa chữa cầu thông nước trên kênh Chợ Đê B	Xuân Hồng	Sửa chữa		300.000	300.000		
23	Sửa chữa cầu thông nước trên kênh Đồng Nê 2	Xuân Ngọc	Sửa chữa		110.000	110.000		
24	Sửa chữa nhà quản lý cống Nam Điền B	Xuân Vinh	Sửa chữa		70.000	70.000		
25	Sửa chữa nhà quản lý cống Trà Thượng	TT Xuân Trường	Sửa chữa		100.000	100.000		
26	Sửa chữa công trình thông nước sông Tàu 1-7	Xuân Hòa	Sửa chữa		160.000	160.000		
27	Sửa chữa cống TT4-1	Xuân Tiến	Sửa chữa		90.000	90.000		
28	Sửa chữa công trình thông nước giữa Kẹo 3	Xuân Ninh	Sửa chữa		180.000	180.000		
29	Sửa chữa công trình thông nước cuối sông CX6B	Xuân Phương	Sửa chữa		120.000	120.000		
30	Sửa chữa công trình thông nước trên sông Thanh Quan 8	Xuân Phú	Sửa chữa		260.000	260.000		
31	Sửa chữa công trình thông nước trên sông CX6B-2	Xuân Phương	Sửa chữa		35.000	35.000		
32	Sửa chữa công trình thông nước trên sông 50-3-4	Xuân Phong	Sửa chữa		100.000	100.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thuỷ lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
33	Xử lý sạt lở mái kênh Tài	Xuân Tân	Kè tre nửa chống sạt		180.000	180.000		
IV	Công trình cánh cống				1.061.000	1.061.000		
1	Cánh cống đầu Mốc Giang 2	Giao Hương	Sửa chữa	2,66x2,2	33.000	33.000		
2	Cánh cống CA21-2	Giao Xuân	Sửa chữa	2,44x1,8	25.000	25.000		
3	Cánh cống giữa CA19 (1)	Giao Xuân	Sửa chữa	2,78x1,6	28.000	28.000		
4	Cánh cống Mỹ Tho	Giao Xuân + Giao Hải	Sửa chữa	5,3x3,25	205.000	205.000		
5	Cánh cống cuối HT11	Giao Thiện	Sửa chữa	3,25x2,45	45.000	45.000		
6	Cánh cống đập giữa CN11-2	Giao Nhân	Sửa chữa	2,57x1,5	25.000	25.000		
7	Cánh cống đầu CN5-17	Bình Hòa	Sửa chữa	2,8x1,9	37.000	37.000		
8	Cánh cống cuối CN3	Bình Hòa	Sửa chữa	2,24x2	28.000	28.000		
9	Cánh cống cuối CA	Giao Long	Sửa chữa	4,37x2,6	120.000	120.000		
10	Cánh cống đầu Chúa 4	TT. Ngô Đồng	Sửa chữa	2,24x1,7	25.000	25.000		
11	Cánh trên cống Thước Khóa	Giao Thịnh	Sửa chữa	6,4x2,1	175.000	175.000		
12	Cánh cống đập Tích (2 cửa 2 cánh giống nhau)	Giao Châu	Sửa chữa	2,24x1,85	54.000	54.000		
13	Cánh cống đập giữa CN 15-6A	Giao Châu	Sửa chữa	2,7x1,8	28.000	28.000		

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2023	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
14	Cánh cổng đập giữa Cồn Giữa 2	Hoành Sơn	Sửa chữa	2,7x1,9	29.000	29.000		
15	Cánh cổng Đông Cồn Tàu	TT Quất Lâm	Sửa chữa	2,25x2,6	32.000	32.000		
16	Cánh cổng đập giữa Chợ Đê 6	Xuân Hồng	Sửa chữa	2,63x1,8	29.000	29.000		
17	Cánh cổng Bồi số 2	Xuân Vinh	Sửa chữa	2,8x2,7	70.000	70.000		
18	Cánh cổng cuối sông chân đê	Xuân Vinh	Sửa chữa	2,78x1,7	28.000	28.000		
19	Cánh cổng đầu Rộc 4	Xuân Ninh	Sửa chữa	2,84x2,6	45.000	45.000		
V	Sửa chữa thiết bị				300.000	300.000		
VI	Dự phòng sửa chữa				300.000	300.000		